

Số: /BC-BKTNS

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO THẨM TRA
Dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ
và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân; trên cơ sở Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum; dự thảo nghị quyết và hồ sơ trình thẩm tra kèm theo. Ban Kinh tế - Ngân sách đã tổ chức phiên họp toàn thể thẩm tra nội dung trên. Tham dự cuộc họp có lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Nội dung dự thảo nghị quyết và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau

1. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Căn cứ khoản 1 Điều 15⁽¹⁾ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Cụ thể:

(1) Về Nguyên tắc hỗ trợ

⁽¹⁾ quy định: “Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.”

Căn cứ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn thu từ nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp hàng năm nộp vào ngân sách cấp tỉnh, định mức quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định.

(2) Phạm vi, định mức hỗ trợ

- Mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa;
- Mức 750.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa;
- Hỗ trợ thêm mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

(3) Sử dụng kinh phí hỗ trợ

- Sử dụng 50% kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Phần kinh phí còn lại để thực hiện các hoạt động sau:
 - + Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;
 - + Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;
 - + Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã;
 - + Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

*(Chi tiết tại Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy việc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung trên là cần thiết, đúng quy định của pháp luật⁽²⁾ và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau:

² Khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định "..... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên".

Cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết đã gửi lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành, các đơn vị liên quan và các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 644/BC-STP ngày 20 tháng 12 năm 2024, cơ quan chủ trì soạn thảo cơ bản đã tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này là cần thiết, đúng quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp Hiến, hợp Pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở ý kiến thảo luận của các đại biểu tại phiên họp thẩm tra và các quy định của pháp luật có liên quan. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024. Đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:

(1) Đề nghị báo cáo làm rõ tổng nguồn kinh phí và tình hình phân bổ, sử dụng hàng năm để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh (*theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 (được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP)*).

(2) Xem xét biên tập khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết “Phạm vi điều chỉnh”: *“Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum”*.

(3) Xem xét biên tập tách “**Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ**” thành 02 Điều như sau:

“Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

...

2. Phạm vi hỗ trợ

...

Điều 3. Định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

(4) Xem xét biên tập nội dung “**Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ**” theo hướng rõ nội dung, để việc áp dụng triển khai thực hiện chính sách đảm bảo thuận lợi, không gặp khó khăn, vướng mắc.

(5) Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 2 dự thảo nghị quyết “Phạm vi, định mức hỗ trợ”⁽³⁾: Đề nghị rà soát, đề xuất định mức hỗ trợ theo hướng bám sát quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, không trùng lặp và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

(6) Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo nghị quyết: Đề nghị biên tập lại nội dung “sử dụng kinh phí hỗ trợ” đảm bảo chặt chẽ, bao quát, dễ thực hiện.

(7) Đề nghị sớm phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

(8) Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó, biên tập lại tên gọi dự thảo nghị quyết cho đồng bộ với phạm vi điều chỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII Kỳ họp chuyên đề xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Ban KT-NS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Hồ Văn Đà

³ “2. Phạm vi, định mức hỗ trợ

a) Mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa;

b) Mức 750.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa;

c) Hỗ trợ thêm mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.”